**Đơn vị báo cáo: … Biểu số …………**

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG BAO THANH TOÁN**

*(Quý……năm……)*

*Đơn vị tính: Triệu VND*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên chỉ tiêu** | **Doanh số**  **phát sinh tăng trong kỳ** | **Dư nợ bao thanh toán** | | |
| **Bằng VND** | **Bằng ngoại tệ** | **Tổng số** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | **Phân theo đối tượng bao thanh toán:** |  |  |  |  |
| 1.1 | Bao thanh toán bên bán hàng |  |  |  |  |
| 1.1.1 | Bên bán hàng có cam kết hoàn trả |  |  |  |  |
| 1.1.2 | Bên bán hàng không có cam kết hoàn trả |  |  |  |  |
| 1.2 | Bao thanh toán bên mua hàng |  |  |  |  |
| **2** | **Phân theo phạm vi địa lý:** |  |  |  |  |
| 2.1 | Bao thanh toán trong nước |  |  |  |  |
| 2.2 | Bao thanh toán quốc tế |  |  |  |  |
| **3** | **Phân theo thành phần kinh tế** |  |  |  |  |
| *3.1* | *Doanh nghiệp nhà nước* |  |  |  |  |
| *3.2* | *Doanh nghiệp ngoài nhà nước* |  |  |  |  |
| *3.3* | *Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài* |  |  |  |  |
| *3.4* | *Khác* |  |  |  |  |

***1. Đối tượng áp dụng:*** Các tổ chức tín dụng (trừ Ngân hàng Chính sách xã hội và Quỹ tín dụng nhân dân).

***2. Yêu cầu số liệu báo cáo:*** Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

***3. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo:*** Vụ Tín dụng các ngành kinh tế

***4. Hướng dẫn lập báo cáo:***

- Thống kê tình hình thực hiện hoạt động bao thanh toán của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (không bao gồm tổ chức tín dụng) phân theo đối tượng, phạm vi bao thanh toán và thành phần kinh tế.

- Phân theo đối tượng:

+ Dòng 1.1: Thống kê tình hình bao thanh toán dựa trên các khoản phải thu của bên bán hàng.

+ Dòng 1.1.1: Thống kê tình hình bao thanh toán dựa trên các khoản phải thu của bên bán hàng và bên bán hàng có cam kết hoàn trả khoản phải thu khi bên mua hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho đơn vị bao thanh toán.

+ Dòng 1.1.2: Thống kê tình hình bao thanh toán dựa trên các khoản phải thu của bên bán hàng và bên bán hàng không có cam kết hoàn trả khoản phải thu khi bên mua hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho đơn vị bao thanh toán.

+ Dòng 1.2: Thống kê tình hình bao thanh toán dựa trên các khoản phải trả của bên mua hàng.

- Phân theo phạm vi địa lý:

+ Dòng 2.1: Thống kê tình hình bao thanh toán dựa vào hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, trong đó bên bán hàng và bên mua hàng là người cư trú.

+ Dòng 2.2: Thống kê tình hình bao thanh toán dựa trên hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên xuất khẩu và bên nhập khẩu, trong đó một bên là người cư trú, một bên là người không cư trú.

- Phân theo thành phần kinh tế: Thống kê khách hàng bao thanh toán thuộc các thành phần kinh tế theo quy định tại Bảng 2 Phụ lục 3 Thông tư này, cụ thể như sau:

+ Doanh nghiệp nhà nước: Bao gồm các loại hình tổ chức tương ứng với mã 01, 02, 03, 05.

+ Doanh nghiệp ngoài nhà nước: Bao gồm các loại hình tổ chức tương ứng với mã 04, 06, 07

+ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Bao gồm loại hình tổ chức tương ứng với mã 09

+ Khác: Bao gồm các loại hình tổ chức và cá nhân tương ứng với mã 08, 10, 11, 12, 13.

- Cột (3): Thống kê doanh số bao thanh toán phát sinh tăng trong kỳ báo cáo.

- Cột (4), (5), (6): Thống kê dư nợ bao thanh toán của tổ chức tín dụng cho khách hàng tại cuối ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

Thống kê theo loại tiền VND và các loại ngoại tệ quy đổi ra VND theo hướng dẫn tại Phần 1 Phụ lục 2 Thông tư này.

***Ghi chú:***

- Dòng 1 = 1.1 + 1.2

- Dòng 1.1 = 1.1.1 + 1.1.2

- Dòng 2 = 2.1 + 2.2

- Dòng 3 = 3.1 + 3.2 + 3.3 + 3.4

- Dòng 1 = dòng 2 = dòng 3

- Cột (6) = Cột (4) + cột (5)